

Bản án số: 01 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18 /4/2019

V/v: tranh chấp về ly hôn và nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM HÀ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Lê Thị Thanh Trúc

2. Bà: Đặng Thị Bích Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thu là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đàm Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Hà tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hữu Quảng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại: Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/QĐ ngày 08/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đặng Thị M, sinh năm 1983.

Bị đơn: Lai Văn P, sinh năm 1985.

Đều có địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Q.

Đều có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2018, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay chị Đặng Thị M trình bày: Chị và anh Lai Văn P kết hôn với nhau năm 2008, tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Lợi, huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị và anh P sống với nhau bình thường đến khoảng 2 năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị ở nhà nuôi con nhỏ, anh P đi làm không đem tiền về, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi lẫn nhau, việc đó diễn ra thường xuyên và kéo dài không thể khắc phục được, khi chị đi làm công nhân ở huyện Hải Hà, anh P có đến nơi chị ở trọ và gây sự

đánh chị phải nhập viện 05 ngày. Hiện tại chị và anh P đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là Lai Thị T, sinh ngày 01/02/2012 và Lai Tiến L, sinh ngày 18/8/2014, chị đề nghị được nuôi con chung là Lai Thị T đến tuổi thành niên vì hiện tại chị đang làm công nhân ở khu Công nghiệp Hải Hà và với mức thu nhập 7.000.000đ/ tháng và có chỗ ở ổn định. Chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con chung và nhường quyền nuôi con chung Lai Tiến L cho anh P nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Không có.

Tài liệu, chứng cứ chị M cung cấp gồm các giấy tờ như: Bản sao chứng minh nhân dân của chị, bản sao giấy khai sinh của các con chung, bản sao sổ hộ khẩu, bản chính giấy đăng ký kết hôn và bản sao hợp đồng lao động.

*Quan điểm của bị đơn anh Lai Văn P như sau: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị M trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng khác nhau về quan điểm sống, không hiểu nhau, chị M có quan hệ ngoại tình, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh, cãi nhau. Hiện anh chị đã ly thân nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn chị M.

Về con chung: Anh xác nhận lời trình bày của chị M anh chị có 02 con chung. Hiện hai con chung đang ở cùng anh và ông bà nội. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì anh mong muốn hai đứa con chung của anh tiếp tục ở cùng nhau, bản thân anh cũng có việc làm với mức thu nhập 10.000.000đ/ tháng

Về tài sản chung và khoản nợ chung anh xác nhận lời trình bày của chị M là đúng.

Tài liệu, chứng cứ anh P cung cấp gồm: Giấy xác nhận nơi làm việc và căn cước công dân của anh.

Nguyện vọng của cháu Lai Thị T thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2019 thể hiện: được tiếp tục ở với bố.

Tại biên bản xác minh ngày 20/12/2018 đại diện chính quyền địa phương cung cấp với nội dung: Anh P và chị M là vợ chồng có hộ khẩu tại địa phương, trong thời gian vợ chồng sống tại địa phương thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Hiện tại chị M đã không còn sống chung với anh P nữa.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Hà:

Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn và nuôi con của chị Đặng Thị M, xử cho chị M được ly hôn anh P.

Về con chung: Giao con chung là Lai Thị T cho chị Đặng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên. Giao con chung là Lai Tiến L cho anh Lai Văn P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị M và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị M và anh Lai Văn P là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung nên thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lai Văn P có nơi cư trú tại huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tình cảm: Cuộc hôn nhân của chị M và anh P là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Cuộc sống chung vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc được một thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống nhất là về kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng luôn xảy ra xô sát, cãi vã nhau, mâu thuẫn gia đình trầm trọng, gia đình không có biện pháp khắc phục giải quyết, cả hai đều lựa chọn con đường sống ly thân nhau, trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không còn sự quan tâm, liên lạc đến nhau từ đó đến nay. Điều này cả chị M và anh P đều xác nhận và đều cùng thống nhất ly hôn. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị M về việc xin ly hôn.

[2.2] Về con chung: Xét đề nghị nuôi con chung của đương sự, Hội đồng xét xử thấy cả chị M và anh P đều có việc làm, thu nhập ổn định và có nơi ở ổn định đảm bảo điều kiện về việc nuôi con và sự phát triển của con trẻ.

Đối với đề nghị của chị M được nuôi con chung là Lai Thị T, Hội đồng xét xử thấy, cháu T là con gái đang trong độ tuổi phát triển nên cần có sự chăm sóc của người mẹ nhất là trong thời gian cháu đến tuổi dậy thì, ngoài việc chăm sóc về thể chất, cháu còn cần có sự chăm sóc về tâm sinh lý. Do vậy nên chấp nhận đề nghị của chị M về nuôi con chung. Việc anh P đề nghị được nuôi cả hai chung là không hợp lý, nên để anh P tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Lai Tiến L đến tuổi thanh niên. Chị M và anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét

[2.4] Về tài sản chung và các khoản nợ: chị M và anh P thống nhất không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị M phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu nuôi con chung của chị Đặng Thị M đối với anh Lai Văn P.

Xử cho chị Đặng Thị M được ly hôn với anh Lai Văn P.

Giao con chung Lai Thị T, sinh ngày 01/02/2012 cho chị Đặng Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 Tuổi). Giao con chung Lai Tiến L, sinh ngày 18/8/2014 cho anh Lai Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 Tuổi). Chị M và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau . Chị M và anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Đặng Thị M phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu số 0005406 ngày 14/12/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đàm Hà.

Án xử sơ thẩm, công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện DH;
- Chi cục THA Dân sự huyện DH;
- UBND xã Quảng Lợi
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Trần Thị Thu Nga

